FireAnt

CTCP Lilama 18 (HSX: LM8)

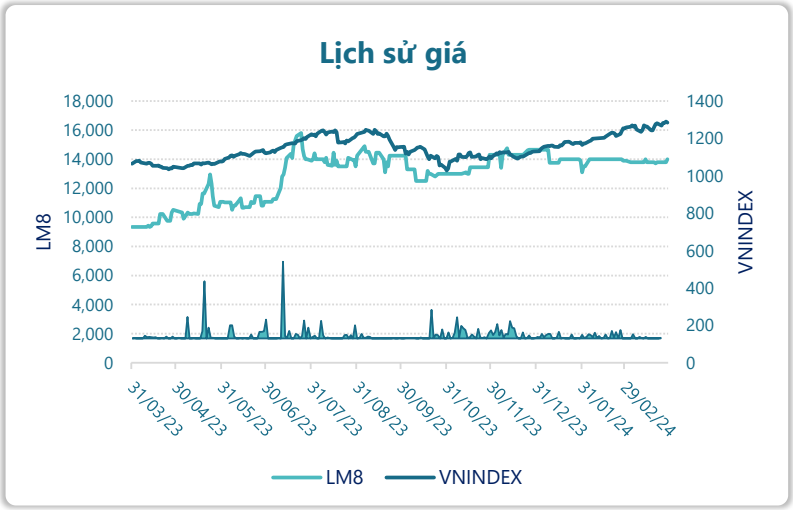

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,340
SL cổ phiếu LH	9,388,682
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,096
% sở hữu nước ngoài	1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	131
P/E	10.3
EPS	1,364

DT thuần

Q1/24

291

tỷ VNĐ

QoQ: ▼113| -28.0%

YoY: ▼6.00| -2.1%

LN sau thuế

Q1/24

2.97

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.15| -42.0%

YoY: ▲ 0.97| 48.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

5.1%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

2023

1,329

tỷ VNĐ

YoY: ▼31.0| -2.3%

LN sau thuế

2023

11.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.70| -18.4%

ROE

2023

4.0%

+/- YoY: ▼ 0.9%

Kết quả kinh doanh

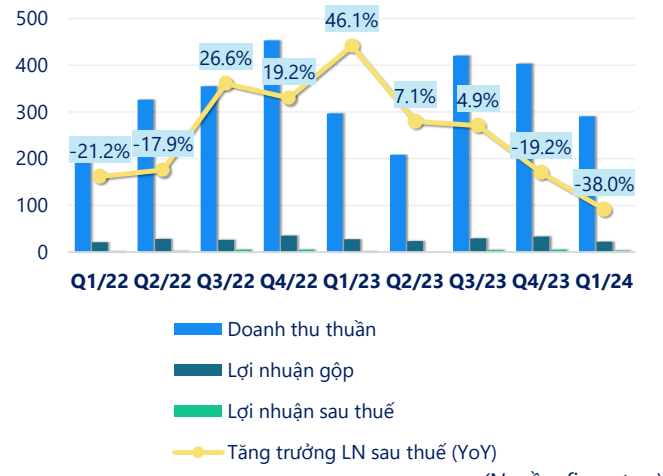

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

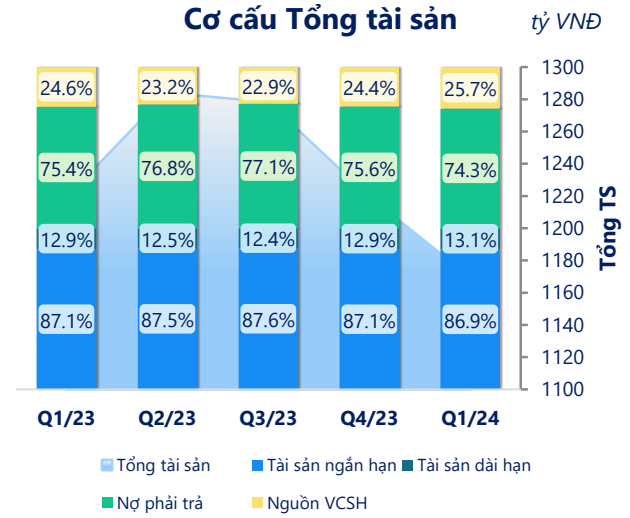

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

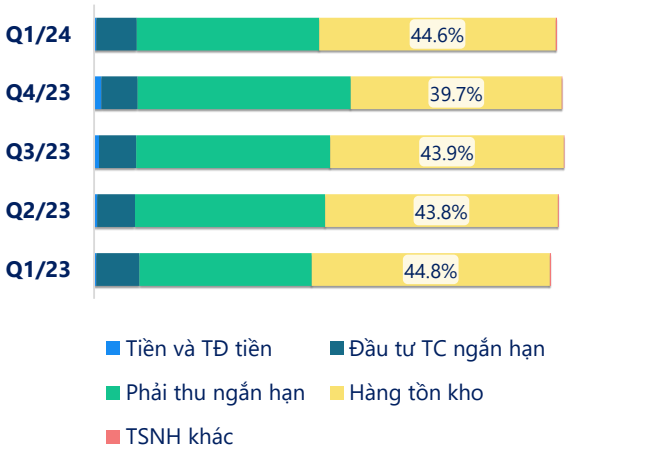

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

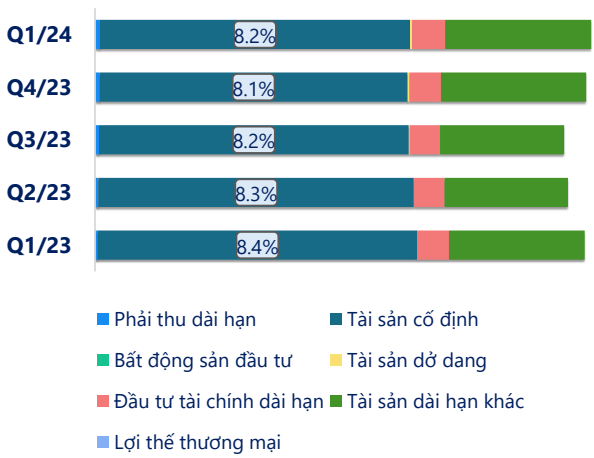

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

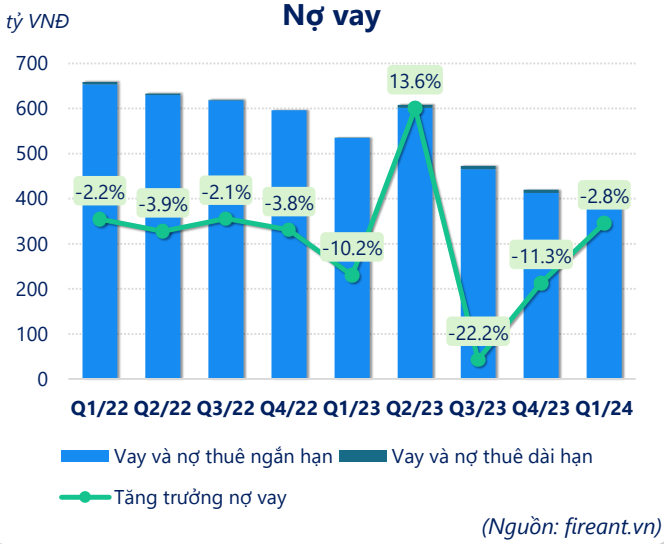

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

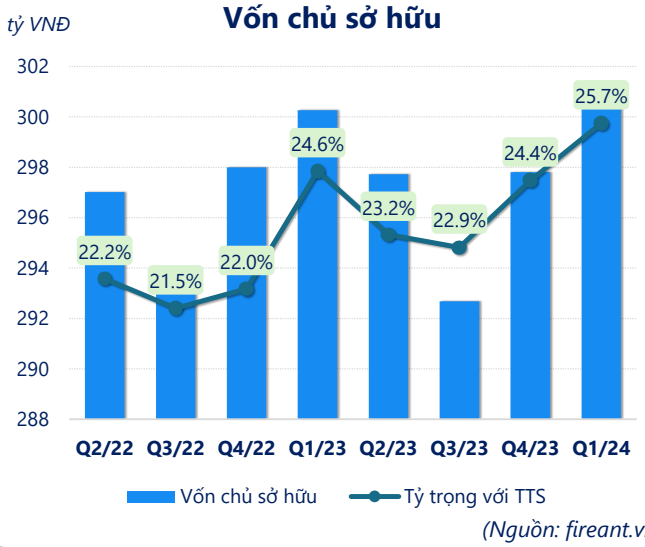

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

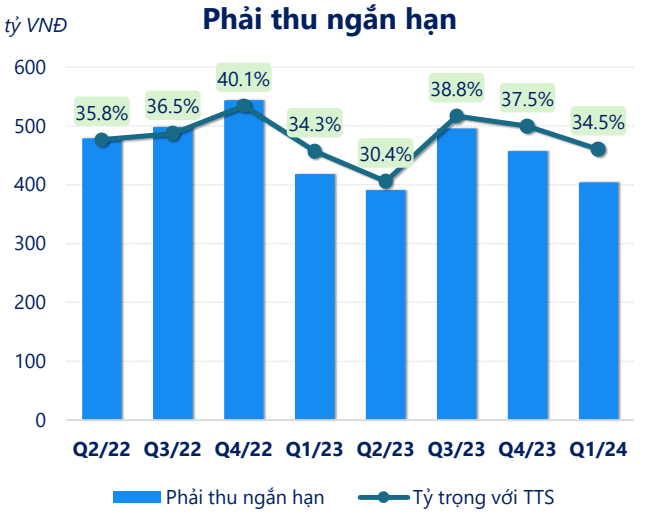

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

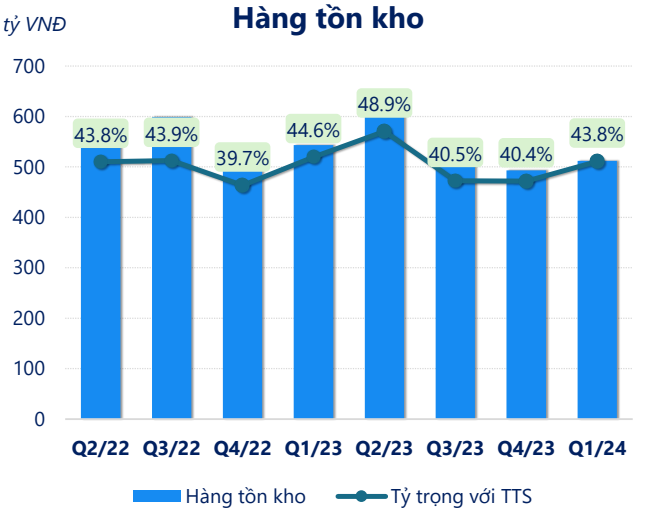

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

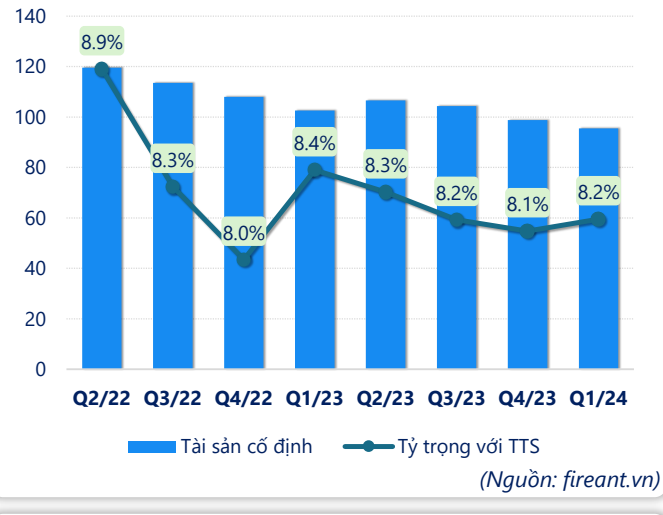

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

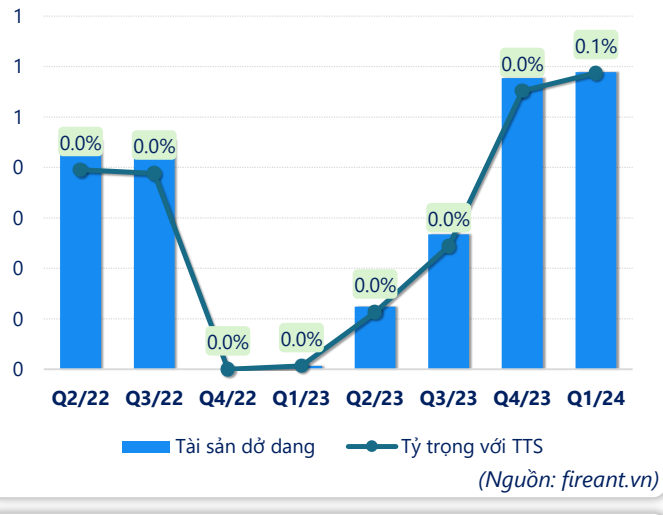

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

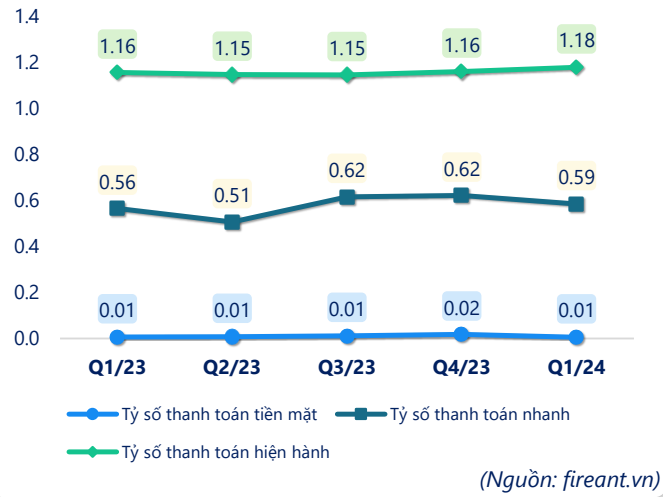

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

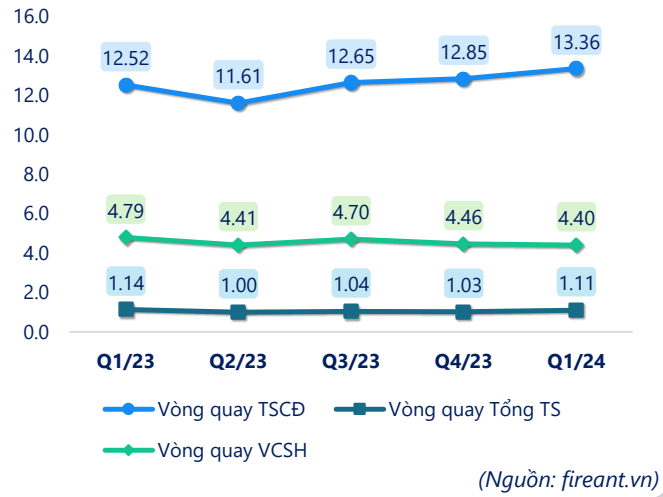

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**1,219**	**1,284**	**1,278**	**1,220**	**1,170**
Tài sản ngắn hạn	**1,062**	**1,124**	**1,120**	**1,062**	**1,017**
Tiền và tương đương tiền	5.34	7.76	12.0	16.4	4.68
Đầu tư tài chính ngắn hạn	93.0	93.0	93.0	93.0	93.0
Phải thu ngắn hạn	418	391	496	457	404
Hàng tồn kho	543	628	518	493	512
Tài sản ngắn hạn khác	2.48	4.69	2.15	2.15	3.08
Tài sản dài hạn	**157**	**160**	**158**	**158**	**153**
Phải thu dài hạn	0.85	1.21	1.32	1.52	1.52
Tài sản cố định	103	107	104	98.8	95.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.01	0.12	0.27	0.58	0.59
Đầu tư tài chính dài hạn	10.2	10.2	10.2	10.2	10.2
Tài sản dài hạn khác	43.5	41.8	41.8	46.6	45.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**919**	**986**	**986**	**922**	**869**
Nợ ngắn hạn	**918**	**980**	**978**	**915**	**863**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	535	602	465	413	402
Phải trả người bán ngắn hạn	167	147	167	164	146
Nợ dài hạn	0.51	6.58	7.87	7.14	6.42
Vay và nợ thuê dài hạn	0.51	6.58	7.87	7.14	6.42
Nguồn vốn chủ sở hữu	**300**	**298**	**293**	**298**	**301**
Vốn chủ sở hữu	**300**	**298**	**293**	**298**	**301**
Vốn điều lệ	93.9	93.9	93.9	93.9	93.9
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)